

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;
Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc tại Văn bản số 168/HPCV ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dân cư Công nghiệp Phước Bình” (quy mô 65.371,3 m²) và Văn bản số 0310/CVGPMPT ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dân cư Công nghiệp Phước Bình” (quy mô 65.371,3 m²) và các hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2169/TTr-TNMT ngày 17 tháng 10 năm 2022 và Báo cáo số 796/BC-TNMT ngày 07 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc, địa chỉ số 137, đường Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Khu dân cư Công nghiệp Phước Bình, (quy mô 65.371,3 m²)” tại ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Khu dân cư Công nghiệp Phước Bình (quy mô 65.371,3 m²)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0315449906 đăng ký lần đầu ngày 25 ngày 12 sinh năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 3 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0315449906.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện có diện tích 65.371,3m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Đất nhà ở liên kế phố 157 lô (20.337,9 m²); Đất ở nhà liên kế vườn 115 lô (18.483,89 m²); Khu thương mại, dịch vụ (1.831,76 m²); Trường mầm non (3.672,61 m²); Trạm xử lý nước thải (270 m²); Hệ thống giao thông (17.479,95 m²); Cây xanh (3.295,19 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức



năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, từ ngày tháng 11 năm 2022 đến ngày tháng 11 năm 2032.

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Bình;
- Lưu: VT (PTN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Thân



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 979.1.../GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các căn nhà thuộc khu nhà liên kế phố, liên kế vườn, lưu lượng 163,2 m³/ngày;

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại, lưu lượng 12,82 m³/ngày;

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ trường mầm non, lưu lượng 25,75 m³/ngày;

+ Nguồn số 04: Nước thải từ khu văn phòng quản lý chung khu dân cư, lưu lượng 0,96 m³/ngày.

Tổng lưu lượng nước thải: 202,73 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước trên đường Phước Bình sau đó chảy theo mương thoát nước hiện hữu và nguồn tiếp nhận là suối Cầu Vạc tại ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 428897.24; Y = 1180817.14 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 260 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung 260 m³/ngày theo đường ống thoát nước trong Khu dân cư có đường kính Ø 800, vật liệu bê tông cốt thép đầu nối vào mương thoát nước trên đường Phước Bình. Phương thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, hệ số K = 1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6.	Amoni	mg/l	5		
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	30		
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11.	Tổng Coliforms	MNP/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hố ga đầu nôi:

Nước thải từ các nhà vệ sinh của các hộ dân, khu thương mại và trường mầm non được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn riêng biệt, sau đó theo đường ống thoát nước thải bằng bê tông cốt thép Ø300 dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu dân cư để xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) → Hố thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 260 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối

tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Tháng 12/2026 khi dự án hoạt động được 50% công suất.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 260 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu đơn: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý nước thải là 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm theo yêu cầu quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này; Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và

theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu dân cư để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.5. Thực hiện Kế hoạch vận hành thử nghiệm và các trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

3.7. Phối hợp chính quyền địa phương khơi thông, nạo vét, gia cố, cải tạo lại mương thoát nước hiện hữu để đảm bảo việc thoát nước từ ranh dự án đến nguồn tiếp nhận. Liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục đấu nối nước mưa, nước thải ngoài ranh dự án trước khi đi vào hoạt động.



Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9791./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại (CTNH)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	2,0
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	2,0
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	2,0
4	Các loại dầu thải	Lỏng	17 07 03	1,0
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	6,0
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	16 01 13	5,0
Tổng cộng				18

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn từ Trạm xử lý nước tập trung nước thải sinh hoạt	12 06 10	231,9

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
2	Bao bì nhựa, bao bì carton, hộp đóng gói bằng nhựa thải	-	100
TỔNG CỘNG			331,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	46.011
	Tổng cộng	46.011

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì theo quy định.

2.1.2. Khu lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa riêng tại từng hộ dân phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: bùn được thu gom về bể chứa bùn sau đó định kỳ hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông khác: Chủ yếu là chất thải có khả năng tái chế, được thu gom và chứa tại chỗ, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế, tái sử dụng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại khu vực thương mại dịch vụ: Bố trí 03 thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 60 - 120 lít/thùng.

- Tại khu vực công cộng: Bố trí 14 thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 120 lít (7 thùng chứa rác thực phẩm, 7 thùng chứa rác sinh hoạt khác).

- Tại khu vực trường mầm non: Bố trí 2 thùng nhựa dung tích 10 -20 lít/thùng tại mỗi phòng học và 02 thùng 660 lít tại khu vực chung.

- Thực hiện giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.



Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17.9.1./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Thực hiện đúng theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2285/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 7 năm 2019.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của khu vực.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân huyện Long Thành và các cơ quan có liên quan.
11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.
12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.